

Số: 22 /KH-TH2ST

Mường Lay, ngày 3 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2025-2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDPT ;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên,

Căn cứ công văn số: 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 như sau:

II.Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội

Năm học 2025 - 2026 là năm học tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ đề "Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; củng cố kết quả các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo.

Thực hiện nghiêm túc chỉ thị số 08-CT/TU ngày 30/3/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh;

Tiếp tục thực hiện sáng tạo các nội dung của phong trào “Xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực” chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội. Phối hợp hiệu quả giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc giáo dục phẩm chất, năng lực học sinh. Tích cực xây dựng trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn; huy động nguồn lực tu sửa, xây dựng bổ sung hệ thống nước sinh hoạt, nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ. Đưa nội dung giáo dục văn hóa truyền thống, giáo dục thông qua di sản vào nhà trường, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian, ngoại khóa, thành lập câu lạc bộ và tổ chức hoạt động đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương. Hướng dẫn học sinh tự quản, chủ động lập kế hoạch tổ chức, điều khiển các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Huy động tối đa học sinh lớp 3,4,5 về trung tâm đặc biệt là đối với học sinh lớp 3.

Thực hiện rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp; tăng cường cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý chỉ đạo, xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đề cao trách nhiệm, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý.

Tiếp tục kết hợp với các đơn vị trường học trong phường xây dựng và thực hiện thành công kế hoạch chuẩn phổ cập giáo dục đúng độ tuổi mức độ 3.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí của trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

** Thuận lợi:*

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ủy ban nhân dân phường Mường Lay, phòng Văn hóa- Xã hội.
- Tập thể cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, luôn duy trì và giữ vững khối đoàn kết cùng giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Ban giám hiệu nhà trường nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong công việc, chỉ đạo bám sát kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm của Ngành.
- Trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giáo dục hiện nay.

- HS được hưởng các chế độ Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP; chế độ bán trú theo Nghị định 66/2025/ NĐ-CP.

** Khó khăn:*

- Năm học 2025-2026 là năm học tiếp tục thực hiện đồng bộ Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại. Tuy nhiên điều kiện kinh tế, xã hội, trình độ một bộ phận nhân dân dân trí còn thấp, đời sống nhân dân khó khăn, mức thu nhập thấp; nhận thức của một bộ phận nhỏ nhân dân về công tác giáo dục còn hạn chế, việc quan tâm, đầu tư cho việc học tập của con em điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu giáo dục của nhà trường.

- Điều kiện học tập của học sinh ở một số điểm bản chưa đảm bảo, nhà lớp học đang trong tình trạng xuống cấp, đường đi lại khó khăn....

Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu dạy - học của giáo viên và học sinh, đặc biệt là thiếu các phòng học chức năng. Việc đóng góp tu sửa CSVC, xây dựng cảnh quan trường lớp còn hạn chế.

- Một số gia đình phụ huynh học sinh chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, nhiều học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025-2026 toàn trường có tổng số 19 lớp với 533 học sinh, được phân bổ như sau

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách (NĐ/238/2021; NĐ 116/2016)				
						Tổng	Mồ côi	Ở vùng KT-XH ĐBKK, hộ nghèo	K. tật	Bán trú
1	6	100	51	100	51	100	2	100	1	32
2	4	99	43	99	43	99	1	99		39
3	3	106	47	106	47	106	2	106	1	52
4	3	111	58	111	58	111	3	111	0	54
5	3	117	57	117	57	117	3	117	2	61
Tổng	19	533	256	533	256	533	11	533	4	238

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.

- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định; bình quân học sinh/lớp: 28,1

- Tỷ lệ học sinh nữ: 48,1%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo

Vị trí việc làm	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th. Sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	3	2	1	0	3	0	0	0	
GV	22	5	19	0	22	0	0	0	
NV	5	1	5	0	1	0	2	2	
Tổng	30	8	25	0	26	0	2	2	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 03, trong đó: Hiệu trưởng: 1; Phó hiệu trưởng: 02; Nữ : 2; Dân tộc: 1; ĐH: 03;

- Tổng số giáo viên: 22, trong đó: Giáo viên tiểu học: 15, tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, Thể dục: 02; Mỹ thuật: 01, Tin học: 01.

- Tổng số nhân viên: 05 người; trong đó: Kế toán: 1; Y tế: 01; Thư viện TB: 01; Bảo vệ: 02.

c. Về thuận lợi, khó khăn

*** Thuận lợi**

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

+ Đội ngũ giáo viên cơ bản đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định; Cơ cấu đủ theo các môn học (Tiếng anh: 02; Thể dục: 02; Âm nhạc: 01; Mỹ thuật: 01; Tin học: 01; giáo viên làm công tác Đội: 0). Đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác.

+ 100% giáo viên sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.

+ Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục.

+ Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh.

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục

nhà trường.

- + Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường.
- + Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Về cán bộ quản lý:
 - + Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường.
 - + Ban giám hiệu là một tập thể đoàn kết, có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.
 - + Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng.
 - + Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018.

*** Khó khăn**

- Về đội ngũ giáo viên:
 - + Trong năm học 2025-2026 nhà trường thiếu giáo viên văn hóa. Chưa đủ giáo viên theo tỉ lệ 1,5GV/lớp theo Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 03 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;
 - + Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa nhanh.
- Về đội ngũ nhân viên:
 - + Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.
 - + Nhân viên bảo vệ sử dụng công nghệ thông tin chưa tốt.
- Về cán bộ quản lý:
 - + Sử dụng ngoại ngữ chưa thành thạo.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường; lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú.

- Tổng số phòng học: 19 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 13 phòng; điểm trường Sá Ninh1: 01 phòng; điểm trường Sá Ninh2: 01 phòng; điểm trường Sá Tổng1: 01 phòng; điểm trường Dế Da: 01 phòng, điểm trường Trung Gênh: 01 phòng, điểm trường Háng Mùa Lừ: 01 phòng).
- Tổng số phòng học bộ môn: 02 phòng, trong đó gồm: 01 phòng Tin học; 01 phòng GDTC.
- + Tổng số phòng chức năng: 07 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Hội đồng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01. HC-Kế toán: 01.

+ Trung tâm và điểm trường đều có sân chơi, bãi tập tương đối đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

+ Có 11 công trình vệ sinh (Điểm trường Trung tâm: 04; điểm trường Sá Ninh1: 01 ; điểm trường Sá Ninh2: 01; điểm trường Sá Tổng1: 01; điểm trường Dế Da: 01, điểm trường Trung Ghênh: 01, điểm trường Háng Mùa Lừ: 01

+ Có 01 nhà để xe dành cho giáo viên tại điểm trường Trung tâm.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.

+ Tổng số máy chiếu: 06

+ Tăng âm loa, đài: 01 bộ.

+ Ti vi: 03 chiếc.

- Nhà trường có 06 điểm trường lẻ và 01 điểm trường chính.

- Cơ sở vật chất thực hiện công tác bán trú:

+ 8 phòng ngủ đảm bảo chỗ ăn nghỉ cho trên 237 học sinh bán trú.

+ 01 nhà bếp.

+ 01 nhà ăn cho học sinh bán trú.

+ 40 giường ngủ (loại 2 tầng).

+ 02 công trình vệ sinh.

+ 02 nhà tắm (riêng biệt dành cho nam và nữ).

+ 01 ti vi phục vụ các em học sinh bán trú.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

3.1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương. Lập kế hoạch bảo trì các công trình theo quy định; không đưa vào sử dụng các công trình đã hết niên hạn không đảm bảo an toàn chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

3.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, bảo đảm phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất,

thiết bị dạy học và theo các quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học 2025-2026 của UBND tỉnh; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của mỗi trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT.

Tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục); tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh các lớp; bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

Chỉ đạo và phê duyệt: kế hoạch dạy học tuần, kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình Tiếng Việt, Toán; nội dung dạy học tích hợp (tài liệu giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy,...), ôn tập kiểm tra bổ sung kiến thức, dạy học theo chủ đề, hoạt động tư vấn tâm lý học sinh, giáo dục truyền thống nhà trường,... trước khi giáo viên triển khai thực hiện.

b) Thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và kế hoạch thời gian năm học 2025-2026

- Nhà trường huy động học sinh ra lớp trong năm học số trẻ 6 tuổi đi học lớp 1 đạt 100%, số trẻ 6-10 tuổi đi học đạt 100%

- Thực hiện kế hoạch dạy học: Đối với các lớp dạy học 9 buổi/tuần kế hoạch dạy học thực hiện theo quy định.

- Thực hiện kế hoạch năm học 2025-2026 theo kế hoạch của UBND tỉnh Trong trường hợp xảy ra bất thường như: rét đậm, lũ lụt, thiên tai, dịch bệnh..., nhà trường báo cáo bằng văn bản tới các cấp xem xét cho học sinh nghỉ học. Thời gian nghỉ học của học sinh sẽ được bố trí dạy bổ sung vào các buổi chiều trong các tuần tiếp theo.

c) Thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học: Thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT. Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

- Sách giáo khoa, sách hướng dẫn học các môn học:

Số lượng sách quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh khối lớp (1,2,3,4,5).

Xuất bản phẩm tham khảo và vở (tập viết, luyện viết) sử dụng trong quá

trình dạy và học tại các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT.

3.3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình GDPT 2018

a) Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1

- Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5:

Nhà trường đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, giáo viên để tổ chức cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 học môn Tiếng Anh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GDĐT.

Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

b) Tổ chức dạy học môn Tin học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GDĐT về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học).

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3.4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 tỉnh Điện Biên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GDĐT và được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm.

Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

3.5. Triển khai giáo dục STEM

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GDĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GDĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Tăng cường tham mưu UBND phường quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục có học sinh tiểu học trên địa bàn phù hợp với điều kiện của địa phương.

Tổ chức tập huấn giáo viên, hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu

tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

3.6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Các cơ sở giáo dục tiểu học quyết định các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó có phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; vận dụng những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành, trải nghiệm, dạy tích hợp các nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai phương pháp dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, khó học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên tiểu học.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá ứng dụng CNTT trong dạy học và quản trị nhà trường.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Các nhà trường cần xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng, tuyệt đối không để học sinh ngồi nhầm lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tham gia tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp đánh

giá thường xuyên, biên soạn xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo chương trình GDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo quy định của Bộ GDĐT Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 của Bộ GDĐT. Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá như hai môn học độc lập theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT cho phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường giáo dục đạo đức, kĩ năng sống cho học sinh. Cũng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- Thực hiện chương trình giáo dục: Thực hiện đúng kế hoạch, chương trình dạy học, tiếp tục chỉ đạo việc quản lí, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lí học sinh tiểu học; tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Tiếp tục đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, đẩy mạnh các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, phương pháp Bàn tay nặn bột...

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục, tích cực đổi mới công tác quản lí giáo dục; phát triển đội ngũ, đề cao trách nhiệm của một nhà giáo, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí, thực hiện hồ sơ sổ sách, thống kê số liệu, báo cáo. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ gắn với các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1 Chất lượng dạy, hồ sơ của giáo viên, giáo viên giỏi các cấp.

* Xếp loại về chuyên môn nghiệp vụ:

+ Tốt: 10/22 đ/c, đạt: 45,4%

+ Khá: 12/22 đ/c, đạt: 54,6%

+ Trung bình: 0/22 đ/c, đạt: 0%

* Giáo viên giỏi các cấp: Trong đó:

+ Giáo viên giỏi cấp trường: 10/22 đ/c, đạt: 45,4%

+ Giáo viên giỏi cấp phường: 5/22 đ/c, đạt: 22,7%

- Số CB_GV có SKKN công nhận cấp trường, cấp phường: 10/22 đ/c, đạt: 45,4%

* Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp:

+ Giáo viên xếp loại Tốt: 10/22 đ/c, đạt: 45,4%

+ Giáo viên xếp loại Khá: 12/22 đ/c, đạt: 54,6%

+ Giáo viên xếp loại Đạt: 0/22 đ/c, đạt: 0%

* Chất lượng hồ sơ:

- BGH:

+ Tốt 3/3 = 100%

+ Khá: 0

+ ĐYC: 0

- Tổ khối :

+ Tốt 4/4 = 100%

+ Khá: 0

+ ĐYC: 0

- Giáo viên:

+ Tốt : 12/22 đ/c, đạt: 54,6%

+ Khá: 10/22 đ/c, đạt: 45,4%

+ ĐYC: 0

- Số đồ dùng dạy học làm thêm: Mỗi giáo viên làm ít nhất 1 đồ dùng dạy học

* Tổ chức thi đồ dùng dạy học tự làm cấp trường: Phân đấu 03 đồ dùng đạt giải được lưu trữ tại phòng thiết bị.

2.2. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 533/533 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.3 Chất lượng giáo dục

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng cộng
Tổng số học sinh	100	99	106	111	117	533
Học sinh Khuyết tật	1		1		2	4
HS được đánh giá	99	99	105	111	115	529

* Năng lực

+ Năng lực chung

Khối	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Khối 1	50	50.5	49	49.5	0	0	52	52.5	47	47.5	0	0
Khối 2	60	60.6	39	39.4	0	0	62	62.6	37	37.4	0	0
Khối 3	60	57.1	45	42.9	0	0	66	62.9	39	37.1	0	0
Khối 4	62	55.9	49	44.1	0	0	64	57.7	47	42.3	0	0
Khối 5	60	52.2	55	47.8	0	0	57	49.6	58	50.4	0	0
Tổng	292	55.2	237	44.8	0	0	301	56.9	228	43.1	0	0

Khối	Giải quyết vấn đề và sáng tạo					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Khối 1	53	53.5	46	46.5	0	0
Khối 2	62	62.6	37	37.4	0	0
Khối 3	65	61.9	40	38.1	0	0
Khối 4	64	57.7	47	42.3	0	0
Khối 5	63	54.8	52	45.2	0	0
Tổng	307	58.0	222	42.0	0	0

+ Năng lực đặc thù

Khối	Ngôn ngữ					
	Tốt	Đạt		Cần cố gắng		
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ

Khối	Công nghệ						Tin học					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Khối 1	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x
Khối 2	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x
Khối 3	66	62.9	39	37.1	0	0	65	61.9	40	38.1	0	0
Khối 4	64	57.7	47	42.3	0	0	69	62.2	42	37.8	0	0
Khối 5	63	54.8	52	45.2	0	0	57	49.6	58	50.4	0	0
Tổng	193	58.3	138	41.7	0	0	191	57.7	140	42.3	0	0

Khối	Thảm mỹ						Thẻ chất					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng cộng
Tổng số học sinh	100	99	106	111	117	533
Học sinh Khuyết tật	1		1		2	4
HS được đánh giá	99	99	105	111	115	529

Khối	Chăm chỉ						Trung thực					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ

Khối 1	52	52.5	47	47.5	0	0	60	60.6	39	39.4	0	0
Khối 2	62	62.6	37	37.4	0	0	65	65.7	34	34.3	0	0
Khối 3	66	62.9	39	37.1	0	0	68	64.8	37	35.2	0	0
Khối 4	64	57.7	47	42.3	0	0	67	60.4	44	39.6	0	0
Khối 5	57	49.6	58	50.4	0	0	63	54.8	52	45.2	0	0
Tổng	301	56.9	228	43.1	0	0	323	61.1	206	38.9	0	0

Khối	Trách nhiệm					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Khối 1	53	53.5	46	46.5	0	0
Khối 2	62	62.6	37	37.4	0	0
Khối 3	65	61.9	40	38.1	0	0
Khối 4	64	57.7	47	42.3	0	0
Khối 5	63	54.8	52	45.2	0	0
Tổng	307	58.0	222	42.0	0	0

c) chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng cộng
Tổng số học sinh	100	99	106	111	117	533
Học sinh Khuyết tật	1		1		2	4
HS được đánh giá	99	99	105	111	115	529

Môn	Mức đạt được	Khối 1: 99HS		Khối 2: 99HS		Khối 3: 105 HS		Khối 4: 111HS		Khối 5: 115HS		Tổng: 529HS	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tiếng Việt	HT tốt	40	40.4	48	48.5	48	45.7	51	45.9	46	40.0	233	44.0
	H. thành	59	59.6	51	51.5	57	54.3	60	54.1	69	60.0	296	56.0

	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Toán	HT tốt	44	44.4	46	46.5	46	43.8	52	46.8	45	39.1	233	44.0
	H. thành	55	55.6	53	53.5	59	56.2	59	53.2	70	60.9	296	56.0
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Đạo đức	HT tốt	53	53.5	62	62.6	65	61.9	64	57.7	57	49.6	301	56.9
	H. thành	46	46.5	37	37.4	40	38.1	47	42.3	58	50.4	228	43.1
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TNXH (Khoa học)	HT tốt	52	52.5	59	59.6	65	61.9	65	58.6	58	50.4	299	56.5
	H. thành	47	47.5	40	40.4	40	38.1	46	41.4	57	49.6	230	43.5
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Âm nhạc	HT tốt	52	52.5	59	59.6	65	61.9	67	60.4	58	50.4	301	56.9
	H. thành	47	47.5	40	40.4	40	38.1	44	39.6	57	49.6	228	43.1
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mĩ Thuật	HT tốt	53	53.5	62	62.6	65	61.9	65	58.6	57	49.6	302	57.1
	H. thành	46	46.5	37	37.4	40	38.1	46	41.4	58	50.4	227	42.9
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GD thể chất	HT tốt	53	53.5	62	62.6	65	61.9	65	58.6	57	49.6	302	57.1
	H. thành	46	46.5	37	37.4	40	38.1	46	41.4	58	50.4	227	42.9
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoạt động trải nghiệm	HT tốt	53	53.5	62	62.6	65	61.9	65	58.6	57	49.6	302	57.1
	H. thành	46	46.5	37	37.4	40	38.1	46	41.4	58	50.4	227	42.9
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tin học	HT tốt	X	X	X	X	48	45.7	51	45.9	46	40.0	145	43.8
	H. thành	X	X	X	X	57	54.3	60	54.1	69	60.0	186	56.2
	Chưa HT	X	X	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ	HT tốt	X	X	X	X	46	43.8	48	43.2	45	39.1	139	42.0
	H. thành	X	X	X	X	59	56.2	63	56.8	70	60.9	192	58.0
	Chưa HT	X	X	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh	HT tốt	X	X	X	X	48	45.7	51	45.9	46	40.0	145	43.8
	H.	X	X	X	X	57	54.3	60	54.1	69	60.0	186	56.2

	thành												
	Chưa HT	X	X	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0
LS & ĐL	HT tốt	X	X	X	X	x	x	51	45.9	46	40.0	97	42.9
	H. thành	X	X	X	X	x	x	60	54.1	69	60.0	129	57.1
	Chưa HT	X	X	X	X	x	x	0	0	0	0	0	0

*** Kết quả giáo dục cuối năm học.**

Khối lớp	TSHS được đánh giá	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1	99	14	14.1	26	26.3	59	59.6	0	0
2	99	16	16.2	30	30.3	53	53.5	0	0
3	105	17	16.2	31	29.5	57	54.3	0	0
4	111	18	16.2	33	29.7	60	54.1	0	0
5	115	15	13.0	31	27.0	69	60.0	0	0
Tổng	529	80	15.1	151	28.5	298	56.3	0	0

* Chuyển lớp: 533/533, đạt :100.0%

* Hoàn thành chương trình tiểu học: 117/117 hs, đạt.100%

- **Phong trào vở sạch chữ đẹp:** Có 19/19 lớp được xếp loại vở sạch chữ đẹp cấp trường năm 2025 - 2026. Cụ thể:

2.6. Tỷ lệ học sinh viết chữ đẹp, học sinh năng khiếu (Hát nhạc, Mỹ thuật)

Khối lớp	TS HS	Số HS Vở sạch, Chữ đẹp	Tỷ lệ %	HS năng khiếu			
				Âm nhạc	Tỷ lệ %	Mỹ thuật	Tỷ lệ %
1	99	28	28.3	19	19.2	19	19.2
2	99	25	25.3	18	18.2	18	18.2
3	105	27	25.7	19	18.1	19	18.1
4	111	33	29.7	22	19.8	22	19.8
5	115	32	27.8	22	19.1	20	17.4
Cộng	529	145	27.4	100	18.9	98	18.5

- Khuyến khích tất cả học sinh tham gia các cuộc thi Toán, Tiếng Anh, Trạng nguyên TV qua mạng, tham gia vòng thi các cấp:

Môn	Lớp	Cấp trường		Cấp phường		Cấp tỉnh		Cấp quốc gia	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toán qua mạng	1	14	14.1	10	10.1	2	30,0	1	10,0
	2	14	14.1	6	6.1	2	2	1	1
	3	16	15.2	8	7.6	2	1.9	1	1

	4	15	13.5	10	9.0	3	2.7	1	0.9
	5	15	13.0	8	7.0	3	2.6	1	0.9
	Cộng	74	14.0	42	7.9	12	2.3	5	0.9
Tiếng Anh qua mạng IOE	3	4	3.81	3	2.9	1	0.95	0	0
	4	4	3.6	3	2.7	1	0.9	0	0
	5	4	3.48	2	1.7	1	0.87	0	0
	Cộng	12	0.86	8	0.6	3	0.22	0	0
Trạng nguyên TV	1	14	14.1	6	6.1	2	2	0	0
	2	14	14.1	8	8.1	2	2	0	0
	3	16	15.2	8	7.6	3	2.9	0	0
	4	15	13.5	10	9	3	2.7	0	0
	5	15	13	10	8.7	3	2.6	0	0
	Cộng	74	14	42	7.9	20	3.8	0	0

- Chỉ tiêu về thi đua khen thưởng:

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TS học sinh được khen thưởng		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		Có thành tích vượt trội/HS tiêu biểu HTT	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	100	40	40.0	14	14.1	26	26.3
2	99	46	46.5	16	16.2	30	30.3
3	106	48	45.3	17	16.2	31	29.5
4	111	51	45.9	18	16.2	33	29.7
5	117	46	39.3	15	13.0	31	27.0
Tổng số	533	231	43.3	80	15.1	151	28.5

* Chỉ tiêu về thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp theo quy định (số lượng, tỷ lệ %)

+100% HS được tham gia các buổi chính khóa ,các hoạt động tập thể

+100% HS các lớp đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trước khi đến lớp

+100% các lớp đảm bảo vệ sinh môi trường giáo dục sư phạm .

+100%.HS trong trường được tham gia ca múa hát tập thể đầu giờ ,giữa giờ và các hoạt động ngoại khóa khác .

+Phấn đấu mặc đồng phục 100% vào các buổi thứ 2, 6 và các ngày lễ lớn do nhà trường tổ chức thứ 3,4,5 trang phục tự chọn khuyến khích HS mặc trang phục dân tộc gọn gàng .

+ 19/19 lớp trang trí theo quy định đạt 100%

* Hoạt động đội thiếu niên, sao nhi đồng.(Danh hiệu phấn đấu đạt trong năm)

- Duy trì thường xuyên các hoạt động thể dục vệ sinh, trang trí trường lớp. Công tác đội thiếu niên, sao nhi đồng. Phần đầu thực hiện tốt chủ đề thi đua trong năm học:

“Thiếu Nhi Việt Nam
Vâng lời Bác dạy
Tự hào truyền thống
Tiếp bước cha anh”

- Thực hiện nghiêm túc việc Chào cờ và hát Quốc ca vào thứ 2 hàng tuần, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tổ chức múa hát tập thể, các trò chơi dân gian trong các giờ ra chơi và các các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Tiếp tục xây dựng khu vui chơi ngoài trời nhằm tạo điều kiện cho học sinh học có nơi vui chơi giải trí, đọc sách và tham gia các hoạt động thể dục thể thao.

- Xây dựng đội cờ đỏ sao đỏ sinh hoạt đội theo lịch- chủ đề.

- Các hoạt động văn nghệ: Chỉ đạo tốt các hoạt động văn nghệ như hát đầu giờ, hát chuyển tiết, hoạt động văn nghệ chào mừng - công diễn vào các ngày lễ lớn, múa hát tập thể có chất lượng theo lịch quy định.

- Các hoạt động thể dục vệ sinh: Thường xuyên chỉ đạo xây dựng tốt hoạt động thể dục vệ sinh.

- Kiện toàn sớm bộ máy hoạt động của Liên đội theo quy định và thúc đẩy hoạt động có chất lượng.

- Có tiêu chí đánh giá cụ thể trên bảng thi đua công khai tới từng ngày, tuần và tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm.

+ 533/533 đạt 100% học sinh được tham gia các buổi chính khóa, các hoạt động tập thể.

+ Các câu lạc bộ sinh hoạt thường xuyên chất lượng

+ 533/533 đạt 100% HS các lớp được tham gia các hoạt động trải nghiệm, ca múa hát sân trường và các hoạt động GDNGLL

+ 533/533 đạt 100% HS các lớp đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trước khi đến lớp, 100% các lớp đảm bảo vệ sinh môi trường giáo dục sư phạm.

+ Phần đầu đạt Liên đội vững mạnh xuất sắc.

+ Phần đầu: 8/8 Chi đội mạnh; 11/11 lớp nhi đồng chăm ngoan

+ Số HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ:

Phần đầu 533/533 em đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ đạt 100%.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Phụ lục 1.1

Biểu số 01-HK1

A. Môn học và hoạt động giáo dục	Số tiết/học kỳ 1				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt	216	180	126	126	126
Toán	54	90	90	90	90
Tiếng Anh	0	0	72	72	72
Đạo đức	18	18	18	18	18
Tự nhiên - Xã hội	36	36	36	0	0
Lịch sử và Địa lí	0	0	0	36	36
Khoa học	0	0	0	36	36
Tin học	0	0	18	18	18
Công Nghệ	0	0	18	18	18
Giáo dục thể chất	36	36	36	36	36
Nghệ thuật (Âm nhạc)	18	18	18	18	18
Nghệ thuật (Mĩ Thuật)	18	18	18	18	18
Hoạt động trải nghiệm	54	54	54	54	54
Tăng cường tiếng Việt	18	18	18	0	0
Đọc sách tại thư viện	18	18	18	18	18
Giáo dục địa phương	12	12	12	12	12
Tổng số tiết học bắt buộc /học kỳ 1	498	498	552	570	570
B. Tự chọn					
Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0
Tiếng Anh	0	0	0	0	0
Tổng số tiết tự chọn/học kỳ 1	0	0	0	0	0
C. Các tiết củng cố, tăng cường					
1. Câu lạc bộ ...					
2. Bồi dưỡng, phụ đạo ...	78	78	24	6	6
3. HĐTN ngoài giờ					
Tổng số tiết củng cố, tăng cường/học kỳ 1	78	78	24	6	6
TỔNG CỘNG					
Tổng số tiết/ học kỳ I	576	576	576	576	576
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)	28	28	31	32	32

<i>Số tiết tự chọn/tuần</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Số tiết củng cố, tăng cường/tuần</i>	<i>4</i>	<i>4</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Số tiết/tuần</i>	<i>32</i>	<i>32</i>	<i>32</i>	<i>32</i>	<i>32</i>
<i>Số buổi dạy/ tuần</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>9</i>

Biểu số 02-HK2

A. Môn học và hoạt động giáo dục	Số tiết/học kỳ 2				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt	204	170	119	119	119
Toán	51	85	85	85	85
Tiếng Anh	0	0	68	68	68
Đạo đức	17	17	17	17	17
Tự nhiên - Xã hội	34	34	34	0	0
Lịch sử và Địa lí	0	0	0	34	34
Khoa học	0	0	0	34	34
Tin học	0	0	17	17	17
Công nghệ	0	0	17	17	17
Giáo dục thể chất	34	34	34	34	34
Nghệ thuật (Âm nhạc)	17	17	17	17	17
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	17	17	17	17	17
Hoạt động trải nghiệm	51	51	51	51	51
Tăng cường tiếng Việt	17	17	17	0	0
Đọc sách tại thư viện	17	17	17	17	17
Giáo dục địa phương	10	10	10	10	10
<i>Tổng số tiết học bắt buộc /học kỳ II</i>	469	469	520	537	537
B. Tự chọn					
Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0
Tiếng Anh	0	0	0	0	0
<i>Tổng số tiết tự chọn/học kỳ II</i>	0	0	0	0	0
C. Các tiết củng cố, tăng cường					
1. Câu lạc bộ ...					
2. Bồi dưỡng, phụ đạo ...	75	75	24	7	7
3. HĐTN ngoài giờ					
<i>Số tiết củng cố, tăng cường/học kỳ II</i>	75	75	24	7	7
TỔNG CỘNG					
<i>Tổng số tiết/ học kỳ II</i>	544	544	544	544	544
<i>Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)</i>	28	28	31	32	32

Số tiết tự chọn/tuần	0	0	0	0	0
Số tiết củng cố, tăng cường/tuần	4	4	1	0	0
Số tiết/tuần	32	32	32	32	32
Số buổi dạy/ tuần	9	9	9	9	9
Tổng số tiết/ năm học	1120	1.120	1.120	1.120	1.120

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thông nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng ngày 5/9/2025	BGH; TPTĐ GVCN	Ban ĐDCMHS; GV.
	HĐTN	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường	Ngày thứ ba ngày 06/10/2025 (15/8 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Phụ huynh HS; Nhân viên nhà trường
Tháng 10	Truyền thông nhà trường	- Sinh hoạt truyền thông về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968);	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai ngày 13/10/2025 (35 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
Tháng 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Kỉ niệm ngày 20/11;	Tập trung toàn trường	Thứ Năm ngày 20/11/2025	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	BGH, GVCN, GVBM
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. - Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai ngày 15/12/2025	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM

Tháng 1+2	HĐTN	- Tổ chức Chợ xuân	Tập trung toàn trường	Thứ Sáu ngày 23/01/2026	Tổng phụ trách đội .	BGH, GVCN, GVBM
Tháng 3	HĐTN	- Hoạt động về chủ đề “Đền ơn đáp nghĩa” - Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai ngày 02/03/2026	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	BGH, GVCN, GVBM
Tháng 4	HĐTN	- Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc - Tìm hiểu về ngày Giải phóng miền Nam 30- 4	Học sinh khối 2,3,4,5	Sáng thứ hai ngày 27/4/2026 (40 phút)	TPTĐ	GVCV, GVBM
Tháng 5	HĐTN	- Tìm hiểu về ngày 7/5 Chiến thắng ĐBP	Tập trung	Thứ hai ngày 04/5/2026	TPTĐ	GVCV, GVBM

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Hoạt động trải nghiệm, GDKNS	Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Từ 16h30 – 17h00 thứ 2,4,6 hàng tuần	Khuôn viên nhà trường	
2	-Hoạt động TDTT, ca múa hát	-Luyện tập TDTT -Ca múa hát, trò chơi	HSBT	Từ 16h30 – 17h10 thứ 3,5 hàng tuần	Sân trường, phòng học	
3	Hoạt động trải nghiệm, GDKNS	Vệ sinh cá nhân (tắm, giặt)	HSBT	Từ 17h10 – 17h40 hàng ngày	Khu nhà bán trú	

4	Hoạt động trải nghiệm, GDKNS	Vệ sinh cá nhân	HSBT	Từ 5h45-6h00 hàng ngày	Khu nhà bán trú	
5	Hoạt động trải nghiệm, GDKNS	Ăn tối	HSBT	Từ 17h40 – 18h20 hàng ngày	Khu nhà ăn bán trú	
6	Bán trú	Ăn sáng	HSBT	Từ 6h15-6h30 hàng ngày	Khu nhà ăn bán trú	
7	Bán trú	Ăn trưa, nghỉ trưa	HSBT	Từ 10h30-13h30 hàng ngày	Khu nhà ăn, nhà nghỉ bán trú	
8	Nghỉ ngơi	Ngủ tối	HSBT	Từ 20h45-5h45 hàng ngày	Khu nhà nghỉ bán trú	
9	Rèn luyện thân thể	Thể dục buổi sáng	HSBT	Từ 5h30-5h50 hàng ngày	Sân trường	

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

* Khung thời gian hoạt động trong ngày:

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ - 7 giờ 10 phút	10 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 10 phút - 7 giờ 25 phút	15 phút	Truy bài
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 15 phút	30 phút	Ra chơi
9 giờ 15 phút - 9 giờ 50 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 55 phút - 10 giờ 30 phút	35 phút	Tiết 4
Buổi chiều		

14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 15 phút - 15 giờ 45 phút	30 phút	Ra chơi
15 giờ 45 phút - 16 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 7

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

Ngày tựu trường: ngày 29/8/2025. Riêng khối lớp 1 tựu trường ngày 22/8/2025.

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

Học kỳ I (có 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác); kết thúc học kỳ I trước ngày 18 tháng 01 năm 2026.

Học kỳ II (có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác); hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31 tháng 5 năm 2026.

Kết thúc năm học ngày 31/5/2026

Xét hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 15 tháng 6 năm 2026.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng thực hiện thời gian chương trình năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12	2*	10	2*	7	1*	7		7		
2	Toán	3	2*	5	2*	5		5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	TN&XH	2		2		2						
6	Khoa học							2		2		
7	LS&ĐL							2		2		

8	Nghệ thuật											
	Âm nhạc	1		1		1		1		1		
	Mỹ thuật	1		1		1		1		1		
9	GDTC	2		2		2		2		2		
10	HĐTN	3		3		3		3		3		
11	Tiếng Anh					4		4		4		
12	Tin học và Công nghệ (Tin học lớp 5)					2		2		2		
13	Tăng cường tiếng Việt	1		1		1						
14	Đọc sách tại thư viện	1		1		1		1		1		
15	Giáo dục địa phương	1		1		1		1		1		
Tổng		28	4*	28	4*	31	1*	32	0	32	0	
Tổng chung/tuần		32		32		32		32		32		

Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần. Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 1

TUẦN									
THỜI GIAN		Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng. - Điều chỉnh
	2	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt			
	3	Tiếng việt	Tiếng việt	Toán	GDTC	Toán			
	4	Mỹ thuật	Toán	GDDP	ĐSTV	HĐTN			

Chiều	1	GDTC	Tiếng việt+	TCTV	TNXH				kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.
	2	Toán+	Tiếng việt+	Đạo đức	Tiếng việt				
	3	Âm nhạc	HĐTN	TNXH	Toán+				
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần;							

Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần. Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 2

TUẦN									
THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Toán	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng. - Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.
	2	Toán	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt			
	3	GDTC	Tiếng việt	Âm nhạc	Toán	Toán			
	4	Tiếng việt	TNXH	Toán	TNXH	HĐTN			
Chiều	1	Đạo đức	Mỹ Thuật	Tiếng việt	ĐSTV				
	2	HĐTN	Toán+	Tiếng việt +	Tiếng việt +				
	3	GDTC	Toán+	TCTV	GDĐP				
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần;							

Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần. Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 3.

TUẦN									
THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	GDTC	Mỹ thuật	Toán	Toán			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng. - Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.
	2	Toán	Toán	Âm nhạc	Tiếng việt	TNXH			
	3	Tiếng việt	Tiếng việt	Toán	Tiếng việt	Tiếng anh			
	4	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tin học	HĐTN			
Chiều	1	Đạo đức	C.ngệ	TCTV	Tiếng việt+				
	2	GDTC	TNXH	Tiếng anh	Tiếng anh				
	3	HĐTN	ĐSTV	Tiếng anh	GDDP				
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần;							

Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần. Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 4

TUẦN									
THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ tháng	Ngày /tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Tiếng việt	Tiếng anh	C.ngệ	Toán			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý
	2	Tiếng anh	Tiếng việt	Tin học	Tiếng anh	Tiếng việt			
	3	Tiếng việt	GDTC	Toán	Toán	Tiếng việt			

	4	Toán	Toán	Tiếng việt	LS&ĐL	HĐTN			do bất khả kháng.
	5								- Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.
Chiều	1	Tiếng anh	Âm nhạc	Tiếng việt	LS&ĐL				
	2	Đạo đức	ĐSTV	Khoa học	GDTC				
	3	Mỹ thuật	Khoa học	HĐT N	GDĐP				
	4								
Tổng số tiết/tuần		32 tiết/Tuần;							

Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần. Năm học 2025 - 2026 đối với khối lớp 5

TUẦN									
THỜI GIAN		Ngày/ Tháng	Ngày/ Tháng	Ngày /tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ Tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Tiếng anh			- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng. - Điều chỉnh kế hoạch đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.
	2	GDTC	Tiếng việt	Tiếng anh	Tiếng việt	Mĩ Thuật			
	3	Toán	Tin học	Tiết việt	Tiếng anh	Toán			
	4	Tiếng việt	ĐSTV	Tiếng việt	Khoa học	HĐT N			
Chiều	1	C.nghe	Tiếng việt	GDTC	LS&Đ L				
	2	Tiếng việt	Âm nhạc	LS&Đ L	GDĐP				
	3	Đạo đức	Tiếng anh	HĐTN	Khoa học				
	4								
Tổng số tiết/tuần		32 iết/Tuần;							

*** Lịch điều chỉnh, xếp tiết dạy bù các ngày nghỉ lễ trong năm học 2025-2026**

Tuần	Thời gian nghỉ	Lí do nghỉ	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Tuần 17 Thứ 5: 01/01/2026 Tết dương lịch	1 ngày	Tết dương lịch	* Tuần 17: 1.1.2026 nghỉ 01 ngày: Dạy bù bài thứ 5 vào 02 tiết tự chọn tuần 17, 1 tiết vào tiết giáo dục địa phương, 1 tiết vào giáo dục địa phương tuần 18 tiết và 2 tiết vào tiết tự chọn tuần 18.
Tuần ôn tập Từ ngày 12/1/2026 đến 16/1/2026	5 ngày	Chuẩn bị tái giảng học kỳ 2	* Tuần ôn tập: Từ ngày 12/1/2026 đến 16/1/2026, 5 ngày Chuẩn bị tái giảng học kỳ 2. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm giao lưu Tiếng Anh với chủ đề gia đình yêu thương. Soạn bài ôn tập bổ sung kiến thức.
Tuần 32 Từ ngày 27/4/2026 đến 01/5/2026	3 ngày	Thứ 2: 27/4/2025 nghỉ bù Giỗ tổ Hùng Vương Thứ 5, 6 nghỉ lễ 30/4; 1/5.	* Tuần 32: Thứ 2: 27/7/2025 nghỉ bù Giỗ tổ Hùng Vương. Thứ 5, 6 nghỉ lễ 30/4; 1/5. Tổng số 3 ngày nghỉ với khối 3 là 16 tiết lịch dạy bù từ tuần 30 là 5 tiết gồm 2 tiết tự chọn và 1 tiết giáo dục địa phương, 2 tiết vào chiều thứ 6, tuần 31 là 5 tiết gồm 2 tiết tự chọn và 1 tiết giáo dục địa phương, 2 tiết vào chiều thứ 6; tuần 33 là 5 tiết vào 2 tiết tự chọn và chiều thứ 6 là 2 tiết, 1 tiết giáo dục địa phương. Ngoài ra trong quá trình thực hiện có nội dung bất khả kháng sẽ điều chỉnh theo văn bản chỉ đạo của các cấp vào trong kế hoạch điều chỉnh bổ sung

***Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/tuần (*Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo*).

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

- Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

V. Giải pháp thực hiện

1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a) Thực hiện tuyển dụng và linh hoạt các giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên

Chủ động rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền tuyển dụng, bố trí, sử dụng giáo viên hợp lý, có đủ giáo viên dạy các môn học theo quy định, bảo đảm giáo dục toàn diện học sinh; khắc phục tình trạng thiếu giáo viên hoặc bố trí, sử dụng không đúng cơ cấu môn học, không phù hợp với chuyên ngành đào tạo đối với cấp tiểu học; thực hiện điều tiết giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu; ưu tiên biên chế để tuyển dụng giáo viên cho những môn học mới theo Chương trình GDPT 2018.

Thực hiện linh hoạt bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên hiện có đảm bảo số lượng, cơ cấu để triển khai thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% học sinh tiểu học. Triển khai thực hiện các giải pháp để có đủ đội ngũ giáo viên dạy môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ Chương trình GDPT 2018

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút; tổ chức sinh hoạt chuyên môn cụm trường ít nhất 01 lần/học kỳ thực hiện theo kế hoạch của cụm trường.

Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo hướng dẫn tại Kế hoạch số 2184/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở GDĐT. Đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GDĐT.

Đối với đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Tiếng Anh, Tin học) tổ chức bồi dưỡng thường xuyên trong năm học theo cụm trường với hình thức phù hợp với điều kiện của địa phương.

Thực hiện tốt quy định của Bộ GDĐT về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán và giáo viên cốt cán các môn học để triển khai

bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường.

c) Đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên trường tiểu học

Thực hiện đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường tiểu học thực hiện theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học. Đánh giá xếp loại giáo viên tiểu học thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

d) Thi giáo viên giỏi cấp tiểu học

Tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi do UBND phường tổ chức thi theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 và các văn bản hướng dẫn của của Bộ GDĐT.

2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các tổ chức xã hội và sự đóng góp công sức của nhân dân để xây dựng mới, tu sửa kịp thời số phòng học hiện có đảm bảo có đủ 01 phòng học/lớp, triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học giảm tối đa phòng học tạm, phòng học mượn.

Trang bị bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn bàn ghế học sinh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, bộ đồ dùng dạy học Toán 1, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kỹ thuật".

Giáo viên tăng cường khai thác các nguồn lực nhằm tăng cường thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học cho các cơ sở giáo dục. Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh.

b) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Tiếp tục chỉ đạo chủ động triển khai hiệu quả thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc, nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện. Thực hiện hiệu quả tiết đọc thư viện hàng tuần, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thư viện, phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

3. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030" phù hợp với điều kiện địa phương.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiên phong (TNTP) Hồ Chí Minh, Sao nhi đồng.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm thực đơn cân bằng dinh dưỡng, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở tiểu học

Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục kỹ năng số trong thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học và thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng số cho học sinh tại các cơ sở giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Tổ chức thực hiện hiệu quả giáo dục kỹ năng số, đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số. Nội dung giáo dục kỹ năng số được giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024.

c) Triển khai Học bạ số

Thực hiện sử dụng học bạ số từ năm học 2025-2026 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

4. Tăng cường thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục, huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục

Thực hiện đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Tham mưu UBND đầu tư kinh phí cho việc xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, mua sắm thiết bị tối thiểu thực hiện Chương trình GDPT 2018; ưu tiên bố trí ngân sách địa phương cho việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu của ngành giáo dục với các chương trình, dự án, đề án khác đã được phê duyệt; thực hiện huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để tăng cường CSVC, thiết bị dạy học, sách giáo khoa cho các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2025-2026.

Quan tâm đầu tư bổ sung, kinh phí nâng cấp xây dựng, cải tạo thư viện trường học đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018 tại địa phương. Khuyến khích các trường xây dựng thư viện lớp học, thư viện xanh, thư viện di động phù hợp với điều kiện thực tế.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học sử dụng hiệu quả các nguồn lực được huy động để chuyển hóa thành chất lượng giáo dục của nhà trường; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định; đảm bảo sự tham gia của các lực lượng xã hội như cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội...giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

5. Phát động các phong trào thi đua và đẩy mạnh công tác truyền thông

Tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học đối với cấp tiểu học đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, gắn với phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" của ngành giáo dục giai đoạn 2020-2025.

Các cơ sở giáo dục tiểu học chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức truyền thông về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và Đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Quốc hội, Chương trình GDPT 2018 của Bộ GDĐT dưới nhiều hình thức, đa dạng, hiệu quả.

Nêu gương các cơ sở giáo dục điển hình thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến được từng cán bộ, giáo viên, người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và

cung cấp thông tin về giáo dục.

Tăng cường truyền thông về các hoạt động nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục tiểu học cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của Ngành, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/khối theo quy định (2 lần/tháng).

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

2. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

3. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

4. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm.
- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa.
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

5. Đối với nhân viên

5.1. Nhân viên thư viện, thiết bị.

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Tuyên truyền đề CB, GV, NV và học sinh tích cực đọc sách.
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...
- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.
- Làm các công việc khác do Ban giám hiệu trực tiếp phân công.

5.2. Nhân viên Y tế.

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.
- Phối hợp với trạm y tế khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường.
- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CB, GV, NV và học sinh.

- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh thực phẩm tại bếp ăn tập thể; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm theo dõi việc thực hiện vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân học sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe học sinh, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do Ban giám hiệu trực tiếp phân công.

5.3. Nhân viên kế toán.

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

- Làm các công việc khác do Ban giám hiệu trực tiếp phân công.

5.4. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

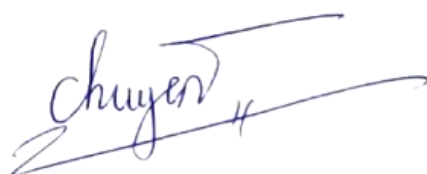
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Làm các công việc khác do Ban giám hiệu trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng./.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

**PHÊ DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Lò Thị Chuyền



Nguyễn Thị Đức

